

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/03/2020.
V/v: Ly hôn giữa chị Hoàng và
anh Hòa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Nguyễn Đức Quyết.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Quảng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị LTH. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh LVH. Vắng mặt.

Đều trú tại: Bản HC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh QVB, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Anh LVH, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt;

Bà QTN, trú tại: Bản HC, xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị LTH trình bày:

Chị và anh LVH kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện ML, tỉnh SL. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 10 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVH nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh LVH.

Về con chung: Có hai con là LVT, sinh 24/11/2004; LQA, sinh ngày 07/9/2009. Chị xin trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị không yêu cầu anh LVH cấp dưỡng nuôi con và cũng tùy vào nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung, riêng: Hiện nay không còn do anh LVH bán, phát tán hết và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng.

Nợ anh QVB, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL số tiền 99.200.000, đồng;

Nợ anh LVH, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL số tiền 40.000.000, đồng.

Số nợ chị yêu cầu chia đôi mỗi người phải trả một nửa.

Bị đơn anh LVH từ chối trình bày: Căn cứ vào phiên hòa giải cơ sở và các tài liệu xác nhận quan hệ hôn nhân với chị LTH. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị LTH. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị LTH trình bày là đúng.

Các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL trình bày: Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600084541 ngày 28/02/2013 anh LVH, chị LTH vay 30.000.000, đồng theo chương trình hỗ trợ người nghèo. Tính đến nay số tiền nợ gốc là 30.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị LTH là người phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Anh QVB trình bày: Hai vợ chồng anh LVH, chị LTH nợ tiền được chốt nợ là 99.200.000, đồng anh yêu cầu anh LVH, chị LTH mỗi người phải trả anh một nửa và anh không tính lãi. Anh cung cấp giấy chốt nợ ngày 15/6/2019.

Anh LVH trình bày: Năm 2015 anh cho vợ chồng anh LVH, chị LTH vay số tiền 50.000.000, đồng, đã trả được 10.000.000, đồng nay còn nợ 40.000.000,

đồng anh yêu cầu anh LVH, chị LTH mỗi người phải trả anh một nửa, anh không tính lãi. Anh cung cấp giấy thỏa thuận ngày 19/6/2017.

Bà QTN trình bày: ngày 19/6/2017 bà và anh LVH có thỏa thuận bà cho anh LVH giữ bốn thửa ruộng của bà để giúp con trai là anh LVH, con dâu chị LTH không phải trả lãi khoản tiền vay 40.000.000, đồng, khi nào trả xong khoản nợ thì trả lại bốn thửa ruộng cho bà. Đồng thời bà và anh LVH không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết thỏa thuận này.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 37, Điều 60, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Có căn cứ để xử cho chị LTH được ly hôn anh LVH;

Về con chung: Giao con cho chị LTH là người trực tiếp nuôi cháu LVT, sinh 24/11/2004; LQA, sinh ngày 07/9/2009 là đúng nguyện vọng của các cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chị LTH và anh LVH có trách nhiệm thanh toán trả các khoản nợ gốc và lãi cho những người liên quan, mỗi người $\frac{1}{2}$ số nợ:

Chị LTH có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng;

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng;

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng.

Anh LVH có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng;

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng.

Anh QVB và anh LVH không yêu cầu tính lãi.

Anh LVH phải trả cho chị LTH 15.000.000, đồng là số tiền chênh lệch khoản thanh toán nợ của ngân hàng chính sách.

Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh LVH sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, anh LVH đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Công an xã CL, huyện ML và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh LVH.

Nguyên đơn chị LTH, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL đều đã nhận tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LTH và anh LVH có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc thời gian khoảng 10 năm, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh LVH nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần, nhưng không khắc phục được. Hai người sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị LTH và anh LVH đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị LTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị LTH được ly hôn anh LVH.

[3] Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu cần giao cho chị LTH trực tiếp nuôi cháu LVT, sinh 24/11/2004; LQA, sinh ngày 07/9/2009. Anh LVH không phải cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung:

Các đương sự xác nhận các khoản nợ của hai vợ chồng gồm:

Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Nợ anh QVB, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL số tiền 99.200.000, đồng;

Nợ anh LVH, trú tại: Bản N, xã CL, huyện ML, tỉnh SL số tiền 40.000.000, đồng.

Căn cứ vào yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Căn cứ Điều 37, Điều 60 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Chị LTH có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL khoản vay theo chương trình hộ nghèo số tiền gốc là 30.000.000, đồng và lãi phát sinh;

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng;

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng.

Anh LVH có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng;

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng.

Anh QVB và anh LVH không yêu cầu tính lãi.

Do các bên yêu cầu được chia đôi các khoản nợ. Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL yêu cầu chị LTH có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ. Do đó anh LVH phải trả cho chị LTH 15.000.000, đồng là số tiền chênh lệch khoản thanh toán nợ của Ngân hàng chính sách.

[6] Đối với thỏa thuận giữa bà QTN và anh LVH ngày 19/6/2017 có thỏa thuận bà cho anh LVH giữ bốn thửa ruộng của bà để giúp con trai là anh LVH, con dâu chị LTH không phải trả lãi khoản tiền vay 40.000.000, đồng, khi nào trả xong khoản nợ thì trả lại bốn thửa ruộng cho bà QTN. bà QTN và anh LVH không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết thỏa thuận này, cần chấp nhận.

Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 37, Điều 60, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị LTH được ly hôn anh LVH.

2. Về con chung:

Giao cho chị LTH trực tiếp nuôi cháu cháu LVT, sinh 24/11/2004; LQA, sinh ngày 07/9/2009. Anh LVH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Điều không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Chị LTH có trách nhiệm trả nợ cho:

Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL số tiền gốc là 30.000.000, đồng (ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo sổ vay vốn mã khách hàng 1600084541 ngày 28/02/2013;

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng);

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng).

Anh LVH có trách nhiệm trả nợ cho:

Anh QVB số tiền 49.600.000, đồng (bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng);

Anh LVH số tiền 20.000.000, đồng (hai mươi triệu đồng).

Anh QVB và anh LVH không yêu cầu tính lãi.

Anh LVH phải trả cho chị LTH 15.000.000, đồng (mười lăm triệu đồng) là số tiền chênh lệch khoản thanh toán nợ của ngân hàng chính sách.

5. Về án phí:

Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002392 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Nguyên đơn chị LTH, bị đơn anh LVH; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh QVB và anh LVH, Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện ML, tỉnh SL được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã CL, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (5);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn

